

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2019

%

	Tháng 9 năm 2019 so với				Bình quân 9 tháng năm 2019 so với cùng kỳ
	Kỳ gốc 2014	Tháng 9 năm 2018	Tháng 12 năm 2018	Tháng 8 năm 2019	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	116,73	101,48	101,55	100,46	102,05
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,23	100,43	99,66	100,87	102,98
<i>Trong đó:</i> Lương thực	110,08	97,97	96,56	100,03	101,00
Thực phẩm	111,61	100,93	100,03	101,53	103,83
Ăn uống ngoài gia đình	122,45	101,17	101,27	99,39	102,06
Đồ uống và thuốc lá	110,44	99,92	99,81	100,35	99,79
May mặc, mũ nón và giày dép	130,25	104,00	103,15	100,29	104,07
Nhà ở và vật liệu xây dựng	104,21	101,27	102,60	99,86	103,36
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,98	101,92	101,93	100,16	101,29
Thuốc và dịch vụ y tế	285,59	110,25	103,44	100,08	102,46
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	333,29	111,75	103,75	100,00	102,78
Giao thông	101,57	97,97	104,67	98,76	99,26
Bưu chính viễn thông	100,61	99,96	99,85	100,00	99,88
Giáo dục	112,38	102,19	101,38	101,09	101,14
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	112,77	101,79	100,81	100,81	101,21
Văn hoá, giải trí và du lịch	111,99	100,82	100,96	100,35	101,14
Đồ dùng và dịch vụ khác	114,42	106,08	105,50	100,99	102,20
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	111,78	112,08	109,20	96,88	104,22
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	104,48	95,36	95,24	95,63	100,93